

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 349/2023/DS-PT

Ngày 28-8-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo
đảm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Lê Sỹ Trứ

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Tài

Ông Nguyễn Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thảo Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Ngọc Ấn – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2023/TLPT-DS ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo đảm”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 245/2023/QĐ-PT ngày 30/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2023/QĐ-PT ngày 24/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 348/2023/QĐ-PT ngày 08/8/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Trung H, sinh năm 1997; địa chỉ: số E, đường H, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Phi Y, sinh năm 1995; địa chỉ: số D, đường P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 21/10/2022), có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ D là luật sư Công ty L2 (Becamex Lawfirm) – Đoàn Luật sư tỉnh B, có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Bích V, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà V: Ông Huỳnh Phi L, sinh năm 1995; địa chỉ: số C Lô D, Chung cư A đường N, phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/8/2023), có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Ý N, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai; chỗ ở: phòng B, Chung cư T, đường V, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Yến N1, sinh năm 1992; địa chỉ: số C, tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Đinh Tân L1, sinh năm 1994; địa chỉ: số C, tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Ông Lê Công D1, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: phòng B, Chung cư T, đường V, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị Ý N, bà Phạm Thị Bích V; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yến N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: ngày 16/05/2022, ông Lê Trung H cho bà Nguyễn Thị Ý N vay 4.000.000.000 đồng, thông qua hình thức chuyển tiền qua ngân hàng vào tài khoản của bà N số 19022301093017 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K (gọi tắt là T) số tiền 3.780.000.000 đồng, giao tiền mặt 220.000.000 đồng. Mức lãi suất hai bên thỏa thuận theo quy định pháp luật. Thời điểm trả nợ gốc và lãi từ ngày 16/05/2022 đến 26/05/2022. Tự động “tái tục” khi bà N chưa thanh toán đủ tiền. Việc cho vay được thể hiện qua Giấy xác nhận nợ ngày 16/05/2022 có chữ ký của hai bên. Bà N nói vay tiền để thanh toán nợ vay cho em là bà N1, ông L1 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ– Chi nhánh B1 (gọi tắt là S).

Sau khi nhận tiền vay, bà N chuyển khoản cho bà N1, ông L1 để thanh toán nợ vay. Khi thanh toán nợ xong, bà Phạm Thị Bích V là mẹ ruột của ông L1 nhận lại tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ số 28, tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AL 480067, số vào sổ H00765 ngày 06/3/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương cấp cho bà V. Bà V dùng GCNQSDĐ này giao cho ông H để đảm bảo thanh toán nợ vay của bà N với ông H và ký vào Biên bản giao nhận hồ sơ ngày 18/5/2022 có nội dung cam kết bảo đảm thanh toán nợ thay.

Sau khi vay, từ ngày 16/05/2022 đến 31/05/2022 (16 ngày), bà N trả cho ông H tiền gốc 220.000.000 đồng, tiền lãi 14.000.000 đồng. Từ ngày 01/06/2022 đến nay, bà N ngưng trả. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N và bà V

liên đới thanh toán nợ vay gốc 3.780.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 7,98%/năm tính từ ngày 01/6/2022, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 301.644.000 đồng. Tổng cộng 4.081.644.000 đồng.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy xác nhận nợ ngày 16/5/2022; bản sao hồ sơ cấp GCNQSDĐ của bà V; bản sao kê tài khoản ngày 16/5/2022 của ông H; “Biên bản giao nhận hồ sơ” ngày 18/5/2022 giữa bà V và ông H

Bị đơn bà Nguyễn Thị Ý N trình bày: Bà N xác nhận có vay của ông H 4.000.000.000 đồng. Bà N đã trả cho ông H tổng cộng 264.000.000 đồng nhưng đó là tiền lãi 22 ngày tương đương với tiền lãi 9%/tháng, bà N chưa trả nợ gốc như ông H trình bày. Bà N với bà V không có quan hệ họ hàng nên không có việc bà V dùng tài sản của mình để bảo đảm cho việc thanh toán nợ vay. Bà N là chị ruột của bà N1; bà V là mẹ chồng của bà N1, ông L1 là em rể. Bà N có chuyển tiền cho bà N1 và ông L1 nhưng đó là giao dịch riêng, bà trả nợ vay cho bà N1, ông L1, không liên quan đến việc bà N vay tiền của ông H. Việc bà N vay tiền của ông H thì bà chịu trách nhiệm với ông H, không đồng ý buộc bà V liên đới thanh toán nợ vay.

Chữ viết trong “Biên bản giao nhận hồ sơ” ngày 18/5/2022 giữa bà V và ông H là của nhiều người cụ thể như sau: Bà N hỗ trợ bà V ghi dòng chữ: “*Phạm Thị Bích V; 074174001949; T, Bắc Tân U, Bình Dương; 19/04/2021 do Cục Q và TTTư xã hội*”. Chữ ký tên, Phạm Thị Bích V và dấu lấn tay là của bà V. Các chữ viết còn lại ai ghi bà N không biết. Biên bản này do ông H đưa cho bà V ghi, bà V bị run tay nên nhờ bà N ghi. Bà N ghi mà không biết rõ ghi để làm gì.

Bà Nguyễn Thị Yến N1 là đại diện bị đơn Phạm Thị Bích V trình bày: Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H. Bà V là mẹ chồng của bà N1, bà N là chị ruột của bà N1. Ngày 18/5/2022, bà N1 nhờ bà N chở bà V đến Ngân hàng để nhận tài sản thế chấp. Bà V có ký tên và lấn tay vào Biên bản giao nhận hồ sơ ngày 18/5/2022 nhưng không xem nội dung. Vợ chồng bà N1 và bà V không vay tiền của ông H nên không có việc bà V dùng tài sản để bảo đảm việc thanh toán nợ vay của bà N đối với ông H. Yêu cầu ông H trả lại bản chính GCNQSDĐ cho bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yến N1 và ông Đinh Tấn L1 trình bày: Bà N1 có mở tài khoản số 000007506693 ngày 27/4/2021 tại S. Bà N1 và ông L1 là người đồng vay 2.980.000.000 đồng của S. Tài sản thế chấp là thửa đất số 132 của bà V. Ngày 18/5/2022, bà N1 và ông L1 đã thanh toán xong nợ vay. S đã làm thủ tục xuất kho trả tài sản thế chấp cho bà V. Ngày 16/5/2022, bà N1 nhận được 3.088.100.000 đồng từ số tài khoản 19022301093017 của bà N. Đây là tiền bà N trả nợ cho vợ chồng bà từ khoản nợ vay 5.000.000.000 đồng. Ông L1, bà N1 chưa từng giao dịch và cũng không vay tiền của ông H; không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H về việc buộc bà V liên đới với bà N thanh toán nợ cho ông H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Lê Công D1 trình bày: Ông D1 là chồng của bà N. Ông D1 không biết ông H, không vay tiền của ông H, ông không sử dụng tiền bà N vay của H. Đề nghị Tòa án không đưa ông tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người làm chứng bà Phạm Bình Y1 trình bày: Tháng 5/2021, bà Y1 là nhân viên của S. Bà được phân công hỗ trợ 02 hồ sơ vay vốn cho khách hàng là vợ chồng Nguyễn Thị Yến N1 và Đinh Tấn L1; Nguyễn Thị Ý N và Lê Công D1. Hợp đồng vay của bà N1 và ông L1 được đảm bảo bằng tài sản của bà V; hợp đồng vay của bà N và ông D1 được bảo đảm bằng tài sản của bà N và ông D1.

Tháng 5/2022, bà Yến nghỉ v tại S và làm việc tại N2. Lúc này, khoản vay của bà N1 và ông L1 đến hạn thanh toán nhưng do giá trị tài sản không còn đáp ứng được yêu cầu cho vay vốn tại S nên ngày 09/05/2022, bà N liên hệ với bà Y1 qua zalo để hỏi về việc vay vốn tại N2. Ngày 13/05/2022, bà N nhờ bà Y1 hỏi xem có chỗ nào cho mượn tiền để trả nợ vay tại S, rút sổ qua N2 vay. Lúc đó, bà Y1 giới thiệu ông H cho bà N để hai bên tự làm việc với nhau về việc vay tiền.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Trung H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Ý N và bà Phạm Thị Bích V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo đảm theo Giấy xác nhận nợ ngày 16/5/2022.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ý N và bà Phạm Thị Bích V phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Lê Trung H tổng số tiền 4.052.318.500 (bốn tỷ không trăm năm mươi hai triệu ba trăm mười tám nghìn năm trăm) đồng gồm 3.780.000.000 đồng nợ gốc và 272.317.500 đồng nợ lãi.

Bà Phạm Thị Bích V có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Thị Ý N để thanh toán số tiền 4.052.318.500 đồng cho ông Lê Trung H trong phạm vi giá trị tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 28, tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 480067, sổ vào sổ H00765 ngày 06/3/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Phạm Thị Bích V.

2. Ông Lê Trung H có nghĩa vụ giao lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 480067, sổ vào sổ H00765 ngày 06/3/2008 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Dương cho bà Phạm Thị Bích V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 08/5/2023 bị đơn bà Phạm Thị Bích V có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà V liên đới cùng bà N trả nợ cho ông H; ngày 10/5/2023 bị đơn bà Nguyễn Thị Ý N có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng sửa một phần nợ gốc và lãi; ngày 10/5/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yến N1 một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà V liên đới cùng bà N trả nợ cho ông H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bà N trình bày có vay ông H 4.000.000.000 đồng, đã trả lãi 264.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc trả lãi, nguyên đơn không thừa nhận trình bày của bà N và cũng xác định bà N có trả nợ gốc 220.000.000 đồng như trình bày trong đơn khởi kiện.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị Bích V trình bày: Bà V không vay tiền ông H nên không đồng ý trả tiền vay cho ông H như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh; Tòa án cấp sơ thẩm xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Bích V, bà Nguyễn Thị Ý N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Yến N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Bích V, bà Nguyễn Thị Ý N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yến N1 trong hạn luật định. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý và xét xử vụ án theo quy định.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Yến N1 có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Tấn L1, Lê Công D1 đã được triệu tập hợp lệ đến đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông Lê Trung H và bị đơn bà Nguyễn Thị Ý N thống nhất xác định: ngày 16/05/2022, ông H cho bà N vay 4.000.000.000 đồng, thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của bà N số 19022301093017 tại T và xác lập qua Giấy xác nhận nợ ngày 16/05/2022, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do bà N đã trả nợ gốc 220.000.000 đồng nên ông H khởi kiện yêu cầu bà N, bà V phải trả số nợ gốc còn lại 3.780.000.000 đồng. Bà N cho rằng đã đưa cho ông H 264.000.000 đồng, đây là tiền lãi chứ không phải trả nợ gốc nhưng bà N không đưa ra được chứng cứ chứng minh, ông H không thừa nhận. Xét lời trình bày của

phía nguyên đơn phù hợp với số tiền theo Giấy xác nhận nợ; việc ông H cho rằng tiền đã nhận là tiền nợ gốc là có lợi cho bà N nên ghi nhận ý kiến của nguyên đơn. Như vậy, tổng số tiền nợ gốc còn lại ông H là 3.780.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Giấy xác nhận nợ ngày 16/5/2022 thể hiện các bên thỏa thuận về lãi nhưng không xác định mức lãi suất cụ thể. Theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi với mức lãi suất 7,98%/năm là thấp hơn mức quy định của Bộ luật Dân sự và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận và áp dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2] Về sử dụng tiền vay: Nguyên đơn ông Lê Trung H cho rằng, ông H cho bà Nguyễn Thị Ý N vay tiền để thanh toán nợ vay của bà Nguyễn Thị Yến N1 (là em gái bà N) và ông Đinh Tấn L1 (là chồng bà N1, em rể bà N) tại S.

Theo hợp đồng cho vay số REF2111700614/HĐTD/HMF-NTYN ngày 28/4/2021 giữa bên cho vay là Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ - Chi nhánh B1 (S) và bên vay là ông Đinh Tấn L1 và bà Nguyễn Thị Yến N1, theo đó ông L1, bà N1 vay số tiền 2.980.000.000 đồng. Tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ là quyền sử dụng đất thuộc thửa 132, tờ bản đồ 28 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00765 ngày 06/03/2008 cấp cho bà Phạm Thị Bích V theo hợp đồng thế chấp số REF2111700614/HĐTC/HMF-NTYN ngày 28/4/2021. Theo Sổ phụ tài khoản 000007506693 của bà N1 do S cung cấp theo Công văn số 03/2023/CV-SB ngày 06/01/2023 thể hiện: ngày 16/5/2022, bà N1 nhận được 3.088.100.000 đồng và ngày 17/5/2022, bà N1 nhận được 1.100.000 đồng từ số tài khoản 19022301093017 của bà N. Ngày 18/5/2022, bà N1 và ông L1 đã tất toán các khoản vay nên S đã trả tài sản thế chấp.

Lời trình bày của ông H là có căn cứ, phù hợp với sự thừa nhận của bà N về việc chuyển tiền vay từ tài khoản của mình qua tài khoản của bà N1 và sao kê của ngân hàng.

Bị đơn bà Phạm Thị Bích V cho rằng mình không liên quan đến số tiền vay giữa ông H và bà N nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp, bởi lẽ: Ngay sau khi bà N1 và ông L1 sử dụng số tiền bà N vay của ông H để thanh toán nợ cho S, bà V đã nhận lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này giao cho ông H để đảm bảo thanh toán nợ vay của bà N với ông H, đồng thời bà V ký vào Biên bản giao nhận hồ sơ ngày 18/5/2022 với nội dung: *“Bà Phạm Thị Bích V (bên A) cam kết giao tài sản bảo đảm nêu trên để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền mượn cho ông Lê Trung H (bên B) theo giấy xác nhận mượn tiền/xác nhận nợ ký kết ngày 16/05/2022 (Biên bản giao nhận này là một phần không thể tách rời với giấy xác nhận mượn tiền được ký kết ngày 16/05/2022 đính kèm)*. Như vậy có căn cứ xác định bà V dùng tài sản của mình để đảm bảo trả khoản vay của bà N đối với ông H.

Bà N vay tiền của ông H chưa trả xong. Bà V là người dùng quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng của mình để bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay của bà N nên phải có nghĩa vụ liên đới với phần nghĩa vụ phải thanh toán. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà N là người vay tiền và bà V là người bảo lãnh phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán nợ vay là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại: khoản 1 Điều 335, khoản 2 Điều 336 và khoản 1 Điều 339, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bà V có nghĩa vụ dùng giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa 132, tờ bản đồ 28 tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H00765 ngày 06/03/2008 cấp cho bà Phạm Thị Bích V để liên đới với bà N thanh toán nợ vay trong phạm vi giá trị tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất mà mình bảo đảm.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử buộc bà N, bà V phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền vay gốc, tiền lãi đến ngày xét xử sơ thẩm tổng số tiền 4.052.318.500 đồng gồm 3.780.000.000 đồng nợ gốc và 272.317.500 đồng nợ lãi là đúng quy định của pháp luật.

Bà N, bà V và bà N1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là phù hợp.

Án phí dân sự phúc thẩm: người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị Bích V, bà Nguyễn Thị Ý N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Yến N1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 25/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phạm Thị Bích V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0010340 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Thị Ý N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp,

theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0010342 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Bà Nguyễn Thị Yến N1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0010341 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính Tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ